

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần 1: Sinh hoạt dưới cờ

Phần 2:

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

LAO ĐỘNG XÂY DỰNG NHÀ TRƯỜNG (TIẾT 3)

A. Mục tiêu :

- HS biết lập kế hoạch hoạt động lao động xây dựng nhà trường và chia sẻ kế hoạch cho bạn bè,
- HS lập được kế hoạch lao động xây dựng nhà trường..
- Em có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động lao động xây dựng nhà trường.

B. Chuẩn bị

- GV: SGK. Phiếu học tập bài 1, 2, 3.
- HS: SGK. Đọc và tìm hiểu bài

C. Các hoạt động dạy - học :

I. Phần khởi động (5')

- Cho HS hát: em yêu trường em
- Yêu trường, yêu lớp các em có kế hoạch làm gì để trường lớp thêm sạch, đẹp. Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết được các công việc mà em đã làm cho trường lớp thêm sạch, đẹp.
- ghi đầu bài lên bảng.

- Lớp hát

- HS lắng nghe và ghi đầu bài vào vở

II. Phần phát triển bài (27')

3: Lập kế hoạch lao động xây dựng nhà trường.

Mục tiêu : - HS biết lập kế hoạch hoạt động lao động xây dựng nhà trường và chia sẻ kế hoạch cho bạn bè,

- Cho HS đọc mục tiêu của mục 1 trong sách trang 34
- + Mục tiêu chúng ta cần đạt là gì?

- HS đọc mục tiêu của mục 1 trong sách trang 34.

+ HS trả lời: Mục tiêu chúng ta cần đạt là: lập kế hoạch hoạt động lao động xây dựng nhà trường và chia sẻ kế hoạch cho bạn bè

- Theo em cần phải làm gì để lớp trường em sạch đẹp, thân thiện và an toàn hơn nữa? Hãy viết điều em muốn làm vào bảng sau.

Hoạt động 1 : lập kế hoạch hoạt động lao động xây dựng nhà trường

Bài 1

- Cho HS trả lời cá nhân vào bảng sau
- Phát cho HS bài 1

- Đại diện HS trình bày

- Nhận xét

- 1 HS đọc

- Em trao đổi với ông bà, bố mẹ hoặc thầy cô giáo, bạn bè về bản kế hoạch trên của mình và xin ý kiến góp ý. Bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện bản kế hoạch theo ý kiến góp ý

- 2 HS TL để góp ý cho nhau bản kế hoạch hoạt

- GV nhận xét
- Bài 2 : Gọi HS đọc bài 2 SGK
- YC làm gì?
- Cho HS TL cặp đôi để góp ý cho nhau bản kế hoạch hoạt động lao động xây dựng nhà trường

III. Phần kết thúc (3')

- Về nhà giúp mẹ làm công việc phù hợp với tuổi của các em
- Dẫn HS về nhà đọc lại bài và xem nội dung tiếp theo trong bài
- Nhận xét giờ học.

động lao động xây dựng nhà trường

- Đại diện HS trình bày
- Nhận xét
- HS lắng nghe thực hiện.

Tiết 2: **Toán** **THỰC HÀNH (TIẾP)**

I. Mục tiêu:

- Biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ vào vẽ hình
- Rèn kĩ năng vẽ hình vẽ thu nhỏ trên bản đồ.
- GD HS biết áp dụng những kiến thức đó học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy - học: - Thước thẳng có vạch chia xăng-ti - mét.
- Giấy hoặc vở để vẽ đoạn thẳng “thu nhỏ” trên đó.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Bài cũ

- HS dùng thước đo chiều dài, chiều rộng bàn GV.

B. Bài mới

HD1. Hướng dẫn vẽ đoạn thẳng AB trên bản đồ

- GV nêu ví dụ (*thoát li sgk*)
- Bạn Hà đo 1 đoạn thẳng trên mặt đất là 30 m. Hãy vẽ đoạn thẳng AB trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500
- Để vẽ đoạn thẳng AB trên bản đồ trước hết chúng ta xác định được gì ?
- Dựa vào đâu để tính độ dài đoạn thẳng AB thu nhỏ ?
- Yêu cầu HS tính độ dài đoạn thẳng AB thu nhỏ.
- Vậy độ dài đoạn thẳng AB thu nhỏ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 là bao nhiêu?
- Hãy vẽ một đoạn thẳng AB có độ dài 6cm.
- YC HS nêu cách vẽ.

- Trước hết tính độ dài thu nhỏ của đoạn thẳng AB (theo cm)
- Dựa vào độ dài thật của đoạn thẳng AB và tỉ lệ của bản đồ
- HS tính : (Đổi 30m = 3000cm
Độ dài đoạn thẳng thu nhỏ là $3000 : 500 = 6$ cm)
- Là 6cm.

- HS vẽ vào vở nháp

- 1 HS nêu, lớp theo dõi + nhận xét:
+ Chọn điểm A trên giấy.

- YC HS thực hành vẽ đoạn thẳng AB dài 30 m theo tỉ lệ 1 : 500 trên bản đồ.
- Vậy muốn tính độ dài thu nhỏ ta làm thế nào?

- Nêu cách vẽ độ dài thu nhỏ.

Chốt cách tính độ dài thu nhỏ ta dựa vào độ dài thật và tỉ lệ bản đồ và cách vẽ độ dài thu nhỏ trên bản đồ.

HD2. Thực hành

Bài 1: Yêu cầu HS nêu chiều dài bảng lớp đã đo ở tiết trước

- Yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng biểu thị chiều dài bảng lớp trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 50

Củng cố cách vẽ độ dài thu nhỏ

3. Củng cố, dặn dò

- Vậy muốn tính độ dài thu nhỏ ta làm thế nào?
- GV nhận xét tiết học; chuẩn bị bài : Ôn tập về số TN.

+ Đặt một đầu thước tại điểm A sao cho điểm A trùng với vạch số 0 của thước.

+ Tìm vạch chỉ số 6 cm trên thước, chấm điểm B trùng với vạch chỉ 6 cm của thước.

+ Nối A với B ta được đoạn thẳng AB có độ dài 6 cm.

- HS thực hành vẽ.

- HS nêu: Lấy độ dài thật ngoài thực tế chia cho số lần gấp (cùng 1 đơn vị đo).

- HS nhắc lại.

- HS nêu

-HS nêu cách tính độ dài thu nhỏ

- HS tính độ dài thu nhỏ rồi vẽ theo các bước:

+ Đổi chiều dài bảng ra cm

+ Tính độ dài thu nhỏ.

+ Vẽ đoạn thẳng AB đã thu nhỏ.

- 1 HS lên bảng -> lớp nhận xét

Tiết 3: Tập đọc

ĂNG- CO VÁT

I. Mục tiêu:

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng chậm rãi, biểu lộ tình cảm kính phục.
- Hiểu ND, ý nghĩa: Ca ngợi Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia.
- GD HS yêu cảnh, người dân Cam-pu-chia. HS thấy được vẻ đẹp của khu đền hài hoà trong vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên lúc hoàng hôn, từ đó có ý thức bảo vệ môi trường.

Kỹ năng sống cơ bản được giáo dục: Xác định giá trị tôn trọng công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia . Suy nghĩ sáng tạo. Lắng nghe tích cực

II. Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc
- Bảng phụ ghi câu, đoạn luyện đọc

III. Các hoạt động dạy- học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Học thuộc lòng bài: *Dòng sông mặc áo*, nêu nội dung bài

- GV nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới

1. Giới thiệu bài : Dùng tranh minh họa

2. Nội dung .

Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

- Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 3 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. Hướng dẫn phát âm từ khó, câu dài :

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó :

- GV đọc toàn bài với giọng chậm rãi, biểu lộ tình cảm kính phục.

Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài

- Yêu cầu HS đọc toàn bài, trao đổi và trả lời câu hỏi

+ Ăng-co Vát được xây dựng ở đâu và từ bao giờ ?

Ý 1. Giới thiệu về Ăng-co Vát

- Khu đền chính đồ sộ như thế nào ?

+ Khu đền chính được xây dựng kỳ công như thế nào ?

Ý 2. Cấu trúc đồ sộ của Ăng-co Vát

+ Du khách cảm thấy như thế nào khi thăm

- 3 HS học thuộc lòng bài thơ và nêu nội dung bài thơ(- *Bài thơ ca ngợi về vẻ đẹp của dòng sông quê hương*).

- Lớp nhận xét

- HS lắng nghe.

- HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn văn.

Đ1: Ăng-covát.. đầu thế kỉ XII

Đ2: Khu đền chính,,. Xây gạch vồ.

Đ3: Toàn bộ khu đền... từ các ngách.

- 3 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.

- 3 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn

- HS ngồi cùng bàn đọc thầm, trao đổi, tiếp nối nhau trả lời câu hỏi

+ Ăng - co Vát được xây dựng ở Cam-pu-chia từ đầu thế kỉ thứ XXII

+ Gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, ba tầng hành lang dài gần 1500 mét. Có 398 gian phòng.

+ Những tháp lớn được dựng bằng đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn.

- Những bức tường buồng nhẵn như mặt ghế đá, được ghép bằng những tảng đá lớn đẽo gọt vuông

Ang-co Vát ? Tại sao lại như vậy ?

- + Đoạn 3 tả cảnh khu đền vào thời gian nào?
- + Lúc hoàng hôn, phong cảnh khu đền có gì đẹp ?

Ý 3. Khung cảnh ở Ăng-co Vát lúc hoàng hôn

- Em có nhận xét gì về vẻ đẹp của đền Ăng-co Vát.
- + Giúp cho HS thấy được vẻ đẹp của của khu đền hài hoà trong vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên lúc hoàng hôn.

- Bài Ăng-co Vát cho ta thấy điều gì ?
GDBVMT: HS nhận biết bài văn ca ngợi công trình kiến trúc tuyệt diệu của nước bạn Cam-pu-chia xây dựng từ đầu TK XII, thấy được vẻ đẹp của khu đền hài hoà trong vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên lúc hoàng hôn.

- Em nêu những công trình kiến trúc ở nước ta mà em biết.
- Để các công trình kiến trúc được trường tồn với thời gian chúng ta cần phải làm gì?
- GDHS tình yêu quê hương đất nước, có ý thức giữ gìn và bảo vệ các công trình kiến trúc cổ của dân tộc.

Hoạt động 3: Luyện đọc diễn cảm

- Gọi 3 HS tiếp nối nhau đọc toàn bài. Yêu cầu HS cả lớp theo dõi, tìm ra cách đọc hay
- Tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn 3 (GV treo bảng phụ)
- GV đọc mẫu
- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp

vực và lựa ghép vào nhau kín khít như xây gạch vữa.

+ Du khách sẽ cảm thấy như lạc vào thế giới của nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại. Vì nét kiến trúc ở đây rất độc đáo và có từ lâu đời.

+ Vào lúc hoàng hôn .

+ Vào lúc hoàng hôn Ăng - co Vát thật huy hoàng .

+ Ánh sáng chiếu soi vào bóng tối của đền.

+ Những ngọn tháp cao vút lấp lánh giữa những chùm lá thốt nốt.

+ Ngôi đền cao với những thềm đá rêu phong càng trở nên uy nghi, thâm nghiêm hơn dưới ánh chiều vàng, khi đàn doi bay toả ra từ các ngách.

- Đền Ăng-co Vát có vẻ uy nghi gợi sự trang nghiêm và tôn kính, thâm nghiêm một cách kì lạ.

- Ca ngợi Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia.

- Kiến trúc cung đình Huế; tháp Chăm,...

- Mọi người phải có ý thức bảo vệ và giữ gìn các công trình kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên,...

- 3 HS đọc. Lớp theo dõi, tìm giọng đọc

- HS theo dõi

- 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc

- Tổ chức cho HS thi đọc

- 3 -> 5 HS thi đọc

- Nhận xét từng HS

3. *Củng cố - dặn dò:*

- Lúc hoàng hôn ngôi đền có gì đẹp?

- Dặn HS về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau: *Con chuồn chuồn nước*.

Tiết 4: Chính tả NGHE LỜI CHIM NÓI

I. Mục tiêu:

- Giúp học sinh nghe và viết đúng chính tả, trình bày các dòng thơ, khổ thơ theo thể thơ 5 chữ bài Nghe lời chim nói

- Luyện viết đúng các chữ có âm đầu dễ lẫn như l/ n.

- Có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 3a

- Giấy khổ to để HS chơi tìm từ khi làm bài tập 2a.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ

- GV đọc cho hs viết: *ra lệnh, da trời, tham gia, rong chơi, giống giả.*

- Nhận xét.

B. Bài mới :

1. *Giới thiệu bài :*

2. *Nội dung :*

Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chính tả

a. *Tìm hiểu nội dung bài viết:*

- GV đọc bài thơ

- Gọi hs đọc lại bài chính tả

+ Loài chim nói về điều gì?

- Nêu nội dung bài chính tả.

Chốt: Vẻ đẹp sự trù phú của quê hương đất nước và những con người say mê lao động.

b. *Hướng dẫn viết từ khó:*

- Yêu cầu hs tìm các từ khó dễ lẫn khi viết.

- Yêu cầu hs đọc và viết các từ vừa tìm được

c. *Viết chính tả*

- GV đọc cho học sinh viết

d. *Soát lỗi, nhận xét:*

- GV thu bài, nhận xét

Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập

Bài 2a:

- Gọi hs đọc yêu cầu

- GV chia học sinh thành các nhóm 4

- Yêu cầu hs làm bài vào VBT

- HS theo dõi

- 1 hs đọc thành tiếng

- Những cánh đồng mùa nổi
mùa với những con người say mê
lao động, về những thành phố
hiện đại những công trình thủy
điện.

-KKHS nêu nội dung

- HS nêu các từ khó trong bài

- HS đọc và viết: lắng nghe, bận
rộn, say mê, rừng sâu, ngõ
ngang, thanh khiết.

- HS viết bài vào vở

- Đổi chéo vở soát bài

- 1 hs đọc

- HS làm bài theo nhóm 4 vào

- YC 2 nhóm trình bày, gọi hs nhận xét bài của nhóm bạn
- GV nhận xét kết luận lời giải đúng, đọc các từ chính xác vừa tìm: *là, lạch, lải, làm, lảm, lẫm, lảng, lãng, lảnh, lãnh, làu, lẳng, lẻo, liếc, liếm, liền, liệng, liểu, lim, lìm, lịm,*
- *này, nầy, nằm, nắn, nẫu, nấu, nệm, nếm, nệm, niễng, nín, nịt, nỏ, noãn, nóng, nom, nuốt, nước, nượp,*
- Đặt câu với một trong các từ vừa tìm.

Bài 3a:

- GV treo bảng phụ gọi hs đọc yêu cầu
- YC làm cá nhân
- Gọi HS đọc câu văn đã hoàn chỉnh, nhóm khác nhận xét bổ sung
- Kết luận lời giải đúng: *núi băng; lớn nhất; Nam Cực; năm 1956, này.*
- Nêu nội dung của đoạn văn.

giấy khô to.
- HS dán phiếu, đọc, nhận xét, bổ sung.

-HS nối tiếp nhau đặt câu

- 1 HS đọc yêu cầu
- HS hoạt động cá nhân
- HS đại diện đọc

3. Củng cố - dặn dò:

- Nêu nội dung bài chính tả.
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc hs luyện viết cho đẹp hơn, đọc trước nội dung bài sau

Buổi chiều

Tiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)

Tiết 2: **Lịch sử**

NHÀ NGUYỄN THÀNH LẬP**I. Mục tiêu**

- Nắm được đôi nét về sự thành lập nhà Nguyễn:
- + Sau khi Quang Trung qua đời, triều đại Tây Sơn suy yếu dần. Lợi dụng thời cơ đó Nguyễn Ánh đã huy động lực lượng tấn công nhà Tây Sơn. Năm 1802, triều Tây Sơn bị lật đổ, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long, định đô ở Phú Xuân(Huế).
- Nêu một vài chính sách cụ thể của các vua nhà Nguyễn để củng cố sự thống trị:
- + Các vua nhà Nguyễn không đặt ngôi hoàng hậu, bỏ chức tể tướng, tự mình điều hành mọi việc hệ trọng trong nước.
- + Tăng cường lực lượng quân đội(với nhiều thứ quân, các nơi đều có thành trì vững chắc...)
- + Ban hành Bộ luật Gia Long nhằm bảo vệ quyền hành tuyệt đối của nhà vua, trừng trị tàn bạo kẻ chống đối.
- Có ý thức tìm hiểu lịch sử.

Đ/C: Không yêu cầu nắm ND chỉ cần biết Bộ luật Gia Long do nhà Nguyễn ban hành

II. Chuẩn bị

- Bảng phụ ghi câu hỏi cho hoạt động 2; tranh trong SGK

III. Hoạt động trên lớp

A. Kiểm tra bài cũ:

+Em hãy kể lại những chính sách về kinh tế, văn hóa, GD của vua Quang Trung ?

+Vì sao vua Quang Trung ban hành các chính sách về kinh tế và văn hóa ?

- Nhận xét, đánh giá.

-HS nêu

-Ban hành “ Chiếu khuyến nông”, mở cửa biển buôn bán với nước ngoài,

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hoàn cảnh ra đời của nhà Nguyễn

- Yêu cầu học sinh trao đổi với nhau và trả lời câu hỏi:

+ Nhà Nguyễn ra đời trong hoàn cảnh nào?

+ Sau khi lên ngôi Hoàng đế, Nguyễn Ánh lấy niên hiệu là gì? Đặt kinh đô ở đâu ? Từ năm 1802 đến năm 1858, triều Nguyễn đã trải qua các đời vua nào?

Chốt: Hoàn cảnh ra đời của nhà Nguyễn

- Học sinh trao đổi và trả lời câu hỏi:

+Sau khi vua Quang Trung mất, triều Tây Sơn suy yếu. Lợi dụng hoàn cảnh đó, Nguyễn Ánh đã đem quân tấn công lật đổ nhà Tây Sơn và lập ra nhà Nguyễn.

+ Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua chọn Phú Xuân (Huế) làm nơi đóng đô và đặt niên hiệu là Gia Long, Từ năm 1802 đến năm 1858, nhà Nguyễn đã trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị.

Hoạt động 2: Sự thống trị của nhà Nguyễn

- GV treo bảng phụ

-Yêu cầu hs đọc trong SGK thảo luận theo nhóm trả lời câu hỏi:

+ Những điều gì cho thấy các vua nhà Nguyễn không chịu chia sẻ quyền hành cho bất cứ ai và kiên quyết bảo vệ ngai vàng của mình?

- Nhà vua ban hành bộ luật mới có tên là gì?

- Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác bổ sung.

- GV nhận xét và chốt:

Các vua nhà Nguyễn đã thực hiện nhiều chính sách để tập trung quyền hành trong tay và bảo vệ ngai vàng của mình.

-GV nêu: Theo em sự thống trị hà khắc của vua quan thời Nguyễn, cuộc sống của nhân dân ta sẽ như thế nào?

GV giới thiệu đồng thời cho hs quan sát tranh minh họa: Dưới thời Nguyễn, vua quan bóc lột nhân dân thậm tệ. Pháp luật dung túng cho người giàu.

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu hoàn cảnh ra đời của nhà Nguyễn.

- Nhận xét tiết học

- HS thảo luận theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi

- Bộ Luật Gia Long

- HS trình bày kết quả

- HS nhắc lại

-Cuộc sống của nhân dân vô cùng cực khổ.

Tiết 3: **Kĩ thuật** (GVC dạy)

Thứ 3 ngày 18 tháng 4 năm 2023

Buổi sángTiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)Tiết 2: **Toán****ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN****I. Mục tiêu:**

- Đọc, viết số tự nhiên trong hệ thập phân. Nắm được hàng và lớp, giá trị của chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong một số cụ thể. Dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số này.
- Rèn kĩ năng đọc, viết số tự nhiên; nhận biết cấu tạo thập phân của số tự nhiên; nhận biết dãy số tự nhiên và các đặc điểm của dãy số tự nhiên.
- GD HS biết áp dụng những điều đó học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ để làm bài tập 1, bảng con (BT4).

III. Các hoạt động dạy- học:**Bài 1:**

- GV treo BP kẻ sẵn nội dung bài tập 1
- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- Yêu cầu HS làm bài

- Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.
- Đọc, viết số tự nhiên theo thứ tự nào?

- Lưu ý HS cách đọc những số có chữ số 0 ở giữa. VD: 1 237 005.

Củng cố đọc, viết số và cấu tạo thập phân của một số.

Bài 3: - Chúng ta đó học các lớp nào ? Trong mỗi lớp có những hàng nào ?

- a) GV viết số. Yêu cầu HS đọc các số và nêu rừ chữ số 5 thuộc hàng nào, lớp nào ?
- Gọi HS thực hiện yêu cầu trước lớp.

- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- Củng cố việc nhận biết vị trí của từng chữ số theo hàng và lớp.*

Bài 4: - Tổ chức trò chơi *Rung chuông vàng*.

- GV nêu luật chơi, cách chơi.

- HS nêu: viết theo mẫu
- 1 HS lên bảng làm, lớp làm bài vào vở bài tập.
- Nhận xét bài làm của bạn.
- Đọc viết từ trái sang phải, lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp.
- KKHS nêu cách đọc những số có chữ số 0 ở giữa
- Nhận xét bài trên bảng.

- + Lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu.
- + Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, ...
- HS hoạt động theo cặp.

- Một vài HS đọc trước lớp.
- + VD: 67358: Sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi tám. Chữ số 5 thuộc hàng chục, lớp đơn vị,...
- KKHS nêu thêm vị trí của một vài chữ số khác trong từng số.

- Nắm luật chơi, cách chơi.
- HS tham gia chơi: dùng bảng con

- Tổ chức cho HS tham gia chơi.	viết câu trả lời.
+ Câu 1: Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp hơn (hoặc kém) nhau mấy đơn vị ? Y/c HS cho ví dụ.	- Hơn (kém) nhau 1 đơn vị. KKHS cho VD: Ví dụ: số 345 kém 346 là 1 đơn vị và 346 hơn 345 là 1 đơn vị.
+ Câu 2: Số tự nhiên bé nhất là số nào ? Y/c HS giải thích vì sao ?	- Số 0 - Vì không có tự nhiên nào liền trước số 0 nên 0 là số tự nhiên nhỏ nhất..
+ Câu 3: Có số tự nhiên lớn nhất không ? Vì sao ?	- HS trả lời: không có số tự nhiên lớn nhất. - KKHS giải thích: Vì thêm 1 đơn vị vào bất kì STN nào cũng được STN đứng liền sau đó. Dãy STN kéo dài mãi mãi.
- GV tổng kết trò chơi.	- Các STN được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn và bắt đầu bằng chữ số 0 gọi là dãy STN.
- Thế nào là dãy số tự nhiên?	- Hai số tự nhiên liên tiếp hơn (hoặc) kém nhau 1 đơn vị, 0 là STN nhỏ nhất, không có STN nào lớn nhất.
- Yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của dãy số tự nhiên. <i>Củng cố về dãy số tự nhiên và đặc điểm của nó.</i>	

3. Củng cố - dặn dò:

- YC HS nhắc lại đặc điểm của số tự nhiên
- GV hệ thống lại nội dung ôn tập. Nhận xét tiết học.
- Dặn HS chuẩn bị tiết sau: *Ôn tập về số tự nhiên (tiếp)*

Tiết 3: Luyện từ và câu THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

I. Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là trạng ngữ.
- Nhận diện được trạng ngữ trong câu(BT1), bước đầu viết được đoạn văn ngắn trong đó có ít nhất 1 câu có sử dụng trạng ngữ.
- Giáo dục hs có ý thức sử dụng câu, viết câu đúng ngữ pháp.

II. Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ ghi VD (Hình thành KT)

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ

- Đặt 3 câu cảm
- Câu cảm dùng để làm gì ?
- Nhờ dấu hiệu nào, em có thể nhận biết được câu cảm?
- Nhận xét.

HD1. Hình thành KT mới

- Gv đưa BP ghi ví dụ(Thoát li SGK)

1. Lan là học sinh giỏi.

2.Nhờ chăm chỉ học tập, năm nay, Lan

- 3 HS đặt câu
- 2 HS trả lời câu hỏi - lớp nhận xét

- 2 HS đọc, lớp đọc thầm

trở thành học sinh giỏi.

+ Hai câu trên thuộc kiểu câu nào?

GV nêu 2 nhiệm vụ:

- Xác định chủ ngữ, vị ngữ
- 2 câu trên có gì khác nhau.

GV chốt:

Câu a: chỉ có bộ phận chủ ngữ và vị ngữ.

Câu b: ngoài chủ ngữ và vị ngữ còn có thêm bộ phận trả lời cho câu hỏi Nhờ đâu? Khi nào? bổ sung ý nghĩa về nguyên nhân và thời gian đứng ở đầu câu.

-Thay bộ phận trả lời câu hỏi: Nhờ đâu? Khi nào? trong câu 2 bằng bộ phận trả lời câu hỏi khác.

- Lấy VD câu có bộ phận trả lời câu hỏi: Để làm gì?

-Bộ phận trả lời cho câu hỏi ở đâu? Để làm gì bổ sung ý nghĩa về nơi chốn và mục đích cho câu.

GV: *Những bộ phận bổ sung ý nghĩa về thời gian, nơi chốn,...cho câu người ta gọi là trạng ngữ. Thế nào là trạng ngữ?*

- Vì sao trạng ngữ là thành phần phụ của câu?

- Bộ phận trạng ngữ thường trả lời cho những câu hỏi nào?

- Vị trí của bộ phận trạng ngữ trong câu.

-Rút ra ghi nhớ

Chốt: Đặc điểm, khái niệm, cách nhận biết, vị trí của trạng ngữ trong câu.

HD2: Luyện tập

Bài 1: Tìm trạng ngữ trong các câu sau.

- Gọi HS nhận xét bài trên bảng
- GV nhận xét kết luận lời giải đúng
- Em hãy nêu ý nghĩa của từng trạng ngữ trong câu

Chốt: đặc điểm, tác dụng, vị trí của

- Câu kể

- Hs thảo luận nhóm đôi: HS suy nghĩ, trao đổi và trả lời từng yêu cầu

Câu 2 cho biết rõ (*Lan trở thành học sinh giỏi*) nhờ đâu? và khi nào?

-HS thực hiện- Hs đặt câu hỏi cho 2 bộ phận này.

-Hs nêu:

Để làm vui lòng cha mẹ, thầy cô, Lan luôn luôn cố gắng trong học tập.

-HS nêu

- Vì nó chỉ làm rõ nghĩa về thời gian, nơi chốn, địa điểm, mục đích...cho sự việc được nêu trong câu...

-Vì sao? ở đâu? khi nào? để làm gì? bằng cái gì?

- Thường đứng ở đầu câu và ngăn cách với chủ ngữ-vị ngữ bằng dấu phẩy.

+ Hs đọc phần ghi nhớ về trạng ngữ.

- HS đổi vị trí trạng ngữ đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu.

- HS lấy VD về câu có bộ phận trạng ngữ

-Hs đọc và xác định yêu cầu.

-1 HS lên bảng. HS làm VBT

HS nhận xét và đặt câu hỏi về trạng ngữ, tác dụng của từng trạng ngữ trong câu-trạng ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

+ *Ngày xưa*, rùa có một cái mai láng bóng.

+ *Trong vườn*, muôn loài hoa đua nở.

+ *Từ tờ mờ sáng*, cô Thảo đã dậy sớm

trạng ngữ trong câu..

Bài 2: Yêu cầu HS đọc đề bài .

- Em đã được đi chơi xa ở đâu? Khi nào?

-Nơi em đến có những gì?

Yêu cầu HS tự làm bài

- Gọi HS đọc đoạn văn

- GV sửa, chữa câu cho HS

Củng cố: Cấu tạo đoạn văn; tác dụng của trạng ngữ trong câu, trong đoạn văn

Liên hệ giáo dục: Yêu quý, giữ gìn, bảo vệ cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

sửa đi về làng. Làng cô ở cách làng Mĩ Lý hơn mười lăm cây số. **Vì vậy, mỗi năm** cô chỉ về làng chừng hai ba lượt.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm yêu cầu bài tập

- HS nêu.

- HS nêu: Cảnh đẹp, bãi tắm, công viên...

- HS tự viết bài và trình bày

- HS khác nhận xét, yêu cầu bạn nêu câu có trạng ngữ và đó là trạng ngữ bổ sung ý nghĩa gì cho câu.

Ví dụ: Tối thứ sáu tuần trước, mẹ bảo em: Sáng mai, cả nhà mình về quê thăm ông bà. Con đi ngủ sớm đi. Đúng 6 giờ sáng mai, mẹ sẽ đánh thức con dậy đấy...

3. Củng cố - dặn dò:

- Thế nào là trạng ngữ? Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi nào?

- Yêu cầu những HS viết đoạn văn ở BT2 chưa đạt yêu cầu, về nhà viết hoàn chỉnh, viết lại vào vở.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau: *Luyện tập về trạng ngữ.*

Tiết 4: Khoa học

TRAO ĐỔI CHẤT Ở THỰC VẬT

I.Mục tiêu:

- Trình bày được sự trao đổi chất của thực vật với môi trường: thực vật thường xuyên phải lấy từ môi trường các chất khoáng, khí các-bô-níc, khí ô-xi và thải ra hơi nước, khí ô-xi, chất khoáng khác,...

- Thể hiện sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường bằng sơ đồ.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy học :

- Tranh SGK.

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ:

- Nêu vai trò của không khí đối với đời sống thực vật.

- Phân biệt quá trình quang hợp và quá trình hô hấp.

- GV nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình trao đổi chất ở thực vật

Mục tiêu : HS tìm trong hình vẽ những gì thực vật phải lấy từ môi trường và những gì phải thải ra môi trường trong quá trình sống.

Cách tiến hành :

Bước 1: Làm việc theo cặp

- YC hs quan sát hình 1 SGK
- + Kể tên những gì được vẽ trong hình.
- + Yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với sự sống của cây xanh.
- + Yếu tố còn thiếu để bổ sung.

- GV kiểm tra và giúp đỡ các nhóm hoàn thành

Bước 2: Hoạt động cả lớp

- Gọi 1 số hs trả lời
- + Kể tên những yếu tố cây thường xuyên phải lấy từ môi trường và thải ra môi trường trong quá trình sống.
- + Quá trình trên được gọi là gì?

Kết luận: *Thực vật thường xuyên phải lấy từ môi trường các chất khoáng, khí các-bô-níc, nước, khí ô-xi và thải ra hơi nước, khí ô-xi, chất khoáng khác,... Quá trình đó được gọi là quá trình trao đổi chất giữa thực vật và môi trường*

- HS quan sát tranh trong SGK và nêu

- 3 ->5 hs trả lời

Hoạt động 2 : Thực hành vẽ sơ đồ trao đổi chất ở thực vật

Mục tiêu : Vẽ và trình bày sơ đồ trao đổi khí và trao đổi thức ăn ở thực vật

Cách tiến hành :

Bước 1: Tổ chức hướng dẫn

- GV chia nhóm, phát giấy và bút vẽ cho các nhóm

Bước 2:

- YC hs làm việc theo nhóm cùng tham gia vẽ sơ đồ trao đổi chất
- Giải thích sơ đồ

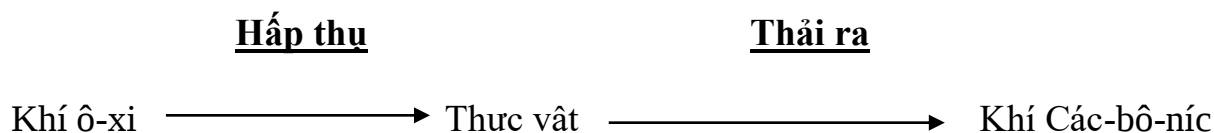
Bước 3: Các nhóm treo sản phẩm và cử đại diện trình bày trước lớp

GV kết luận :

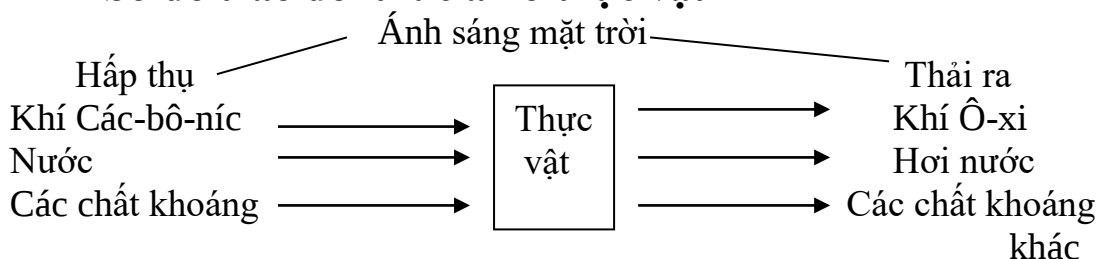
- HS nhận giấy và bút vẽ

- HS hoạt động theo nhóm 6

- Đại diện các nhóm trình bày



Sơ đồ trao đổi thức ăn ở thực vật



3. củng cố, dặn dò:

- Trình bày sơ đồ trao đổi chất ở thực vật?

- GV nhận xét giờ.

- Nhắc học sinh ôn lại bài và đọc trước bài Động vật cần gì để sống?

Buổi chiều

Tiết 1: **Tin học** (GVC dạy)

Tiết 2: **Tiếng Anh**(GVC)

Tiết 3: **Âm nhạc** (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 19 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN (T2)

I.Mục tiêu:

- So sánh đ- ọc các số có đến sáu chữ số .
- Biết sắp xếp bốn số tự nhiên theo thứ tự từ lớn đến bé, bé đến lớn. Làm đ- ọc BT1(dòng 1,2), BT2 , BT3.
- HSK+G: Làm thêm đ- ọc BT4 + BT5.
- HS có ý thức làm bài chính xác,khoa học

II.Đồ dùng dạy học: Bảng phụ

- PHT bài 3

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:(5')

- HS lên bảng làm bài 3 (tr-160).
- GV cùng Hs quan sát- nhận xét.

B. Dạy bài mới: (35')

1.Giới thiệu bài:

2.Hướng dẫn HS ôn tập: (32')

Bài 1(161).

- GV nhận xét, chốt kết quả đúng.
- Củng cố cách so sánh hai số TN.

Bài 2(161)

- GV nhận xét
- Chốt cách sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

Bài 3(161)

- Làm t- ơng tự bài 2

GV l- u ý cho HS : Bài tập yêu cầu sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé

(khác BT 2)

Chốt cách sắp xếp các số theo thứ tự từ

- HS nêu yêu cầu
- HS tự làm nháp
- HS nêu miệng kết quả.
- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS so sánh rồi sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn
- HS chữa bài

- HS nêu yêu cầu

- **HS làm vào PHT**

lớn đến bé.

Bài 4*(161)

- GV treo bảng phụ
- Số bé nhất có một chữ số là số nào?
- Số lẻ bé nhất có một chữ số là số nào?
- Số lớn nhất có một chữ số là số nào?
- Số chẵn lớn nhất có một chữ số là số nào?

Chốt cách tìm số.

Bài 5*(161)

- GVh- ống dẫn cách trình bày
- Nhận xét, chữa bài

Chốt cách giải bài toán có lời văn.

C.Củng cố -dẫn dò: (2')

- GV nhận xét tiết học
- Dặn chuẩn bị bài sau.

- HS đọc yêu cầu bài tập
- HS tự làm bài rồi chữa bài.
- HS nêu.

- 2HS nêu yêu cầu của bài.
- HS làm bài, chữa bài

Tiết 2: **Kể chuyện**
NGỌN ĐUỐC TRONG ĐÊM

I. Mục tiêu:

- Nghe kể lại được từng đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý (SGK), kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện “ Ngọn đuốc trong đêm” (do GV kể)
- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện; Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Với lòng yêu n- óc nồng nàn và tầm nhìn xa trông rộng Nguyễn Tr- ờng Tộ đã đem những kiến thức học hỏi đ- ọc ở n- óc ngoài về phục vụ Tổ quốc và trở thành nhà cải cách lớn của thế kỉ XIX ở n- óc ta.

KKHS: kể chuyện diễn cảm kết hợp với điệu bộ, nét mặt một cách tự nhiên; biết thay đổi giọng kể cho phù hợp từng nhân vật

- Rèn kĩ năng mạnh dạn, tự nhiên khi nói tr- ớc đông ng- ời.
- Giáo dục hs ham đọc sách có ý thức nghe và nhận xét bạn kể. Giáo dục HS học tập tấm g- ơng Nguyễn Tr- ờng Tộ .

II. Đồ dùng dạy học:

- GV s- u tầm câu chuyện

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ(3- 5')

- Gọi 1-> 2 HS kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về du lịch thám hiểm
- GV nhận xét cho điểm HS.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới :

1. **Giới thiệu bài:** (1- 2')

2. **Nội dung:** (25 - 30')

a) Giáo viên kể chuyện:

- GV kể lần 1
- GV kể lần 2
- GV kể chuyện lần 3

- HS theo dõi

b) H- ớng dẫn kể chuyện:

- GV treo bảng phụ ghi câu hỏi và gọi hs đọc các câu hỏi và h- ớng dẫn hs trả lời
+ Tìm những chi tiết cho thấy sự lạc hậu của vua quan nhà Nguyễn?

+ Theo em sự lạc hậu ấy nguy hiểm như thế nào?

+ Hãy kể lại quá trình học tập của Nguyễn Tr- ờng Tộ?

+ Nguyễn Tr- ờng Tộ có những đóng góp gì sau khi về n- ớc?

+ Vì sao có thể gọi Nguyễn Tr- ờng Tộ là ngọn đuốc trong đêm? Theo em, nhờ đâu Nguyễn Tr- ờng Tộ có những đóng góp quý báu đối với đất n- ớc như vậy?

- Tổ chức cho hs kể trong nhóm

- Gọi hs kể chuyện tr- ớc lớp theo hình thức tiếp nối

- Nhận xét, ghi điểm cho học sinh kể tốt

* Kể toàn bộ câu chuyện

- Gọi hs nhận xét bạn kể

- Nhận xét, ghi điểm cho hs kể tốt

c) Trao đổi ý nghĩa câu chuyện:

- Câu chuyện ca ngợi ai? Ca ngợi điều gì?

* Nêu ý nghĩa câu chuyện?

- GV nhận xét, bổ sung

Chốt ý nghĩa: Với lòng yêu n- ớc nồng nàn và tầm nhìn xa trông rộng Nguyễn Tr- ờng Tộ đã đem những kiến thức học hỏi đ- ợc ở n- ớc ngoài về phục vụ Tổ quốc và trở thành nhà cải cách lớn của thế kỉ XIX ở n- ớc ta.

3. Củng cố - dặn dò : (1- 2')

- Nêu ý nghĩa câu chuyện ?

- Nhận xét tiết học.

- Nhắc hs kể lại câu chuyện cho ng- ời thân nghe và tìm đọc câu chuyện Khát vọng sống

- 1 HS đọc các câu hỏi và TLCH

- Đóng cửa với các n- ớc ph- ơng Tây

- Không bắt kịp b- ớc tiến của thời đại, n- ớc ta trở thành n- ớc lạc hậu

- Năm 25 tuổi học tiếng Pháp, 3 năm sau đ- ợc gửi sang Pháp học, ông học đ- ợc nhiều kĩ nghệ mới : khai mỏ, làm vũ khí, xây dựng nhà cửa, ...

- Liên tục đề nghị duy tân nh- ư không đ- ợc chấp nhận; giúp đào kênh Sắt, tìm cách khai mỏ than, mỏ kim loại, mở tr- ờng kĩ thuật, góp phần tạo nên nhiều công trình kiến trúc.

- Vì ông đã đem những kiến thức học hỏi đ- ợc ở n- ớc ngoài về phục vụ Tổ quốc và trở thành nhà cải cách lớn của thế kỉ XIX ở n- ớc ta.

- HS dựa vào gợi ý và lời kể của GV kể từng đoạn theo nhóm 4

- HS kể theo nhóm 4

- 1 -> 2 HS kể lại câu chuyện

- HS nhận xét bạn kể

- Ca ngợi ông Nguyễn Tr- ờng Tộ

- HS nêu ý nghĩa

Tiết 3: Tập đọc

CON CHUỒN CHUỒN NƯỚC

I. Mục tiêu

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm, bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả.
- Hiểu nội dung, ý nghĩa : Ca ngợi vẻ đẹp sinh động của chú chuồn chuồn nước và cảnh đẹp của quê hương.
- GD HS yêu cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc .
- Bảng phụ ghi đoạn 1 để luyện đọc.

III. Các động dạy- học:

A. Bài cũ:

- Đọc đoạn 1,2 của bài.
- +Ăng-co Vát được xây dựng ở đâu và từ bao giờ ?
- Đọc đoạn còn lại.
- +Phong cảnh khu đền chính vào lúc hoàng hôn có gì đẹp?

- Nhận xét – tuyên dương HS

B. Bài mới

1) Giới thiệu bài: Nếu chịu quan sát, chúng ta sẽ phát hiện ra vẻ đẹp của thế giới xung quanh của muôn vật. Bài con chuồn chuồn nước tả một chú chuồn chuồn bé nhỏ và quen thuộc. Dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn Nguyễn Thế Hội, con vật quen thuộc ấy hiện lên thật đẹp và mới mẻ.

2) Nội dung

HD1 Luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.
- Bài văn chia làm mấy đoạn ?
- GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. Hướng dẫn phát âm từ khó : *lấp lánh, long lanh, rung rung, phân vân, mênh mông*
- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *lộc vùng*
- GV đọc toàn bài với giọng nhẹ nhàng, thể hiện sự ngạc nhiên; nhấn giọng các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của chú chuồn chuồn nước, cảnh thiên nhiên đất nước tươi đẹp

2 hs đọc bài

- Ăng-co Vát được xây dựng ở Cam-Pu-Chia từ đầu TK 12

- Vào lúc hoàng hôn Ăng- Co Vát thật huy hoàng: Ánh sáng chiếu soi vào bóng tối của đền; những ngọn tháp cao vút lấp lánh giữa những chùm lá thốt nốt xoà tán tròn; ngôi đền cao với những thềm đá rêu phong càng trở nên uy nghi, thâm nghiêm hơn dưới ánh chiều vàng, khi đàn diều bay toả ra từ các ngách.

- Lắng nghe

- HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn văn.

+Đoạn 1: Ôi chào! Chú ... mặt sông.

+Đoạn 2: Rồi đột ... đến hết.

- 2 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.

- 2 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

-Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn

dưới cánh chú (đẹp làm sao, lấp lánh, long lanh, mênh mông, lộng sóng, lữ tre, tuyệt đẹp), đối giọng linh hoạt phù hợp với nội dung từng đoạn (lúc tả chú chuồn chuồn đậu một chỗ, lúc tả tung cánh bay)

HD2: Tìm hiểu bài

- Chú chuồn chuồn được miêu tả bằng những hình ảnh so sánh nào ?

- Em thích hình ảnh so sánh nào ? vì sao?

- Cả lớp đọc thầm đoạn 2

- Cách miêu tả chú chuồn chuồn bay có gì hay?

Chốt ý 1: *Vẻ đẹp rực rỡ của chú chuồn chuồn nước.*

- Tình yêu quê hương, đất nước của tác giả thể hiện qua những câu văn nào?

Chốt ý 2: *Cảnh đẹp của quê hương.*

Giảng: Bài văn miêu tả vẻ đẹp của chú chuồn chuồn nước. Qua đó, tác giả đã vẽ lên rất rõ khung cảnh làng quê VN tươi đẹp, thanh bình đồng thời bộc lộ tình cảm mến yêu của mình với đất nước, quê hương.

-Nêu nội dung bài văn.

HD3: Hướng dẫn đọc diễn cảm

- Gọi 2 hs nối tiếp nhau đọc 2 đoạn của bài

- GV treo lên bảng đoạn “*Ôi chao!....như còn đang phân vân*”

- GV đọc mẫu

- HS đọc thầm đoạn 1

- Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng, hai con mắt long lanh như thủy tinh; Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu; Bốn cánh khẽ rung rung như đang còn phân vân.

- Em thích hình ảnh: Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng; hai con mắt long lanh như thủy tinh vì đó là những hình ảnh so sánh đẹp giúp các em hình dung được rõ hơn về đôi cánh và cặp mắt chuồn chuồn.

- Đọc thầm

-Tả rất đúng về cách bay vọt lên rất bất ngờ của chuồn chuồn nước, tả theo cánh bay của chuồn chuồn nhờ thể tác giả kết hợp tả được một cách rất tự nhiên phong cảnh làng quê.

- Mặt hồ rộng mênh mông và lộng sóng, lữ tre xanh rì rào trong gió, bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh, rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra, cánh đồng với những đàn trâu thung thả gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi, trên tầng cao là đàn cò đang bay, là trời xanh trong và cao vút.

- Lắng nghe

- *Ca ngợi vẻ đẹp sinh động của chú chuồn chuồn nước, cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước theo cánh bay của chú chuồn chuồn, bộc lộ tình cảm của tác giả với đất nước, quê hương.*

- 2 hs đọc, HS theo dõi tìm các từ cần nhấn giọng trong bài

- Lắng nghe

- HS luyện đọc nhóm đôi

- HS luyện đọc theo nhóm 2
- Tổ chức cho hs thi đọc diễn cảm.
- Nhận xét tuyên dương.

- Vài hs thi đọc

3. **Củng cố – dặn dò**

- 1 hs đọc cả bài, cả lớp đọc thầm tìm hiểu nội dung của bài
- Nhận xét tiết học. Bài sau: *Vương quốc vắng nụ cười*

Tiết 4: **Đạo đức**

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hiểu: Con người phải sống thân thiện với môi trường vì cuộc sống hôm nay và mai sau. Con người có trách nhiệm giữ gìn môi trường trong sạch.
 - Biết bảo vệ, giữ gìn môi trường trong sạch.
 - Đồng tình, ủng hộ những hành vi bảo vệ môi trường. Không đồng tình ủng hộ những hành vi, thái độ phá hoại môi trường.
 - HS có kĩ năng: Trình bày các ý tưởng bảo vệ môi trường ở nhà và ở trường.
 - Giáo dục quốc phòng và an ninh: Nêu tác hại ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường của HS.
- => Góp phần hình thành năng lực tìm tòi, sáng tạo và phẩm chất ý thức, trách nhiệm cho HS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Các thẻ màu xanh, đỏ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HD1: HD khởi động:

KIỂM TRA BÀI CŨ: (4')

- Vì sao chúng ta phải bảo vệ môi trường trong sạch?
- Em đã làm gì để bảo vệ môi trường trong sạch?

HD2: BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: (1')

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV chia HS thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Bước 2: Yêu cầu các nhóm thảo luận và bàn cách giải quyết.

Bước 3: Trình bày kết quả.

Bước 4: GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và đưa ra đáp án đúng.

- Rèn kĩ năng bình luận, xác định các lựa chọn, các giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường ở nhà và ở trường cho HS.

Bày tỏ ý kiến của em (BT3) (7')

*** Cách tiến hành:**

- GV nêu các tình huống yêu cầu HS bày

- HS nhận nhóm và bầu nhóm trưởng.

- HS thảo luận theo nhóm bàn.

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nghe và bổ sung ý kiến.
- Lớp lắng nghe

- HS giơ thẻ bày tỏ ý kiến và giải thích

tổ ý kiến sau bằng cách giơ thẻ và giải thích vì sao?

- GV nhận xét, kết luận. Liên hệ rèn cho HS kỹ năng xử lý thông tin liên quan đến ô nhiễm môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xử lý tình huống (BT4). (7')

* Cách tiến hành:

Bước 1: GV chia HS thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Bước 2: Yêu cầu các nhóm thảo luận và tìm cách xử lý.

Bước 3: Trình bày kết quả.

Bước 4: GV nhận xét cách xử lý của từng nhóm và đưa ra cách xử lý sau:

- Thuyết phục hàng xóm chuyển bếp than sang chỗ khác.

- Đề nghị giảm âm thanh.

- Tham gia thu nhặt phế liệu và dọn sạch đường làng.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

- GV nhận xét, kết luận.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh cho HS biết tác hại ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường của HS.

HD3: HD ứng dụng:

- Trao đổi với người thân về bài học.

lý do.

- HS dưới lớp nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS nhận nhóm bầu nhóm trưởng.

- Các nhóm thảo luận.

- Đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả thảo luận (có thể đóng vai).

- Lớp lắng nghe

- Các nhóm thảo luận.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác bổ sung.

- HS tự liên hệ.

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Anh (GVC)

Tiết 2: Tiếng Việt*

LUYỆN TẬP VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

(Tìm hiểu đề, lập dàn ý)

I- Mục tiêu:

- Trên cơ sở việc quan sát học sinh lập dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả con vật.

- Kỹ năng xác định yêu cầu của đề bài, ghi các phần quan sát để lập dàn ý.

- GD học sinh có ý thức yêu quý, chăm sóc và bảo vệ con vật.

II- Đồ dùng: Bảng phụ ghi sẵn phần dàn ý miêu tả con hổ.

III- Hoạt động dạy học

1. Giới thiệu bài

2. Nội dung

HD1: Củng cố kiến thức

- Bài văn tả con vật gồm mấy phần là những phần nào ? Nội dung của từng phần ?

GV chốt: Kết cấu thông thường của một bài văn miêu tả cây cối thường gồm ba phần:

1. Mở bài: Giới thiệu con vật mình định tả.

2. Thân bài:

- Tả hình dáng

- Tả tính nết hoạt động

3. Kết bài: Nêu lợi ích của con vật, nêu cảm nghĩ của em

HD2: Làm bài tập

- GV ghi đề bài lên bảng : Đề bài: Tả một con vật nuôi ở vườn thú - Tả con hổ

- Gọi HS đọc đề bài.

- GV dựng phần màu gạch chân từ ngữ quan trọng.

2. Hoàn thiện quan sát

GV chốt trình tự quan sát. Cách sử dụng từ ngữ để ghi lại kết quả đó

3. Lập dàn ý

- Hđ xây dựng dàn ý :

1. Mở bài:

Giới thiệu con vật em nhìn thấy ở vườn thú: Đó là con gì ? Em được đến vườn thú khi nào ? ...Hoặc em nhìn thấy nó lúc nào? Khi nó đang làm gì trông thật đáng yêu?

2. Thân bài:

a, Hình dáng

- Tả bao quát

Con vật đó to hay nhỏ? To nhỏ bằng chừng nào, giống vật gì? Màu lông thế nào?

- Tả chi tiết

Đầu(tai, mắt, mũi, miệng, râu.....); chân (vuốt , ngón, đệm thịt); đuôi (dài, ngắn, cử động...) có nét gì đặc biệt ?

b, Tính nết, hoạt động

- Tính nết nổi bật của con vật là gì? Tính nết ấy được biểu hiện qua những hoạt động nào?

3. Kết bài:

Cảm nghĩ chung của con vật nuôi? ích lợi của con vật nuôi ấy?

KK học sinh dựa vào dàn ý để trình bày miệng bài văn tả của mình, nhận xét .

- HS nêu các phần
- Mở bài, thân bài, kết bài

- HS đọc đề bài, phân tích đề.
- HS theo dõi

- Hs báo cáo kết quả quan sát

- Hoàn thiện kết quả quan sát
- HS lập dàn ý vào vở

KKHS: Trình bày lại dàn ý đã lập

4. Giúp HS học tập dần ý

1. Mở bài:

- + Vào dịp nghỉ hè vừa qua bố cho em đi thăm vườn bách thú.
- + Trong vườn thú có rất nhiều loại thú nhưng em thích nhất là con hổ.

2. Thân bài:

- + Đó là con hổ rất lớn. Thân nó cao khoảng một thước dài, dài hơn một thước rưỡi
- + Từ đầu đến chân phủ một lớp lông ngắn màu vàng sậm có những vằn đen
- + Đầu hổ tròn, lớn hơn quả dưa, nổi với thân bằng một cái cổ ngắn
- + Hai tai ngắn vểnh lên .
- + Cặp mắt tròn to bằng quả chanh, lúc nào cũng long lên trông rất dữ tợn.
- + Cánh mũi màu hồng sậm, lúc nào cũng phập phồng như đang đánh hơi.
- + Miệng rộng xung quanh có những sợi ria vàng, thỉnh thoảng lại nhe ra để lộ hàm răng khoẻ, nhọn hoắt.
- + Cái đuôi dài, chân khoẻ
- + Hổ bước đi chậm rãi lúc đi lên đi xuống.
- + Nhiều lúc vươn cao chân bắt các song sắt như muốn ra ngoài.
- + Các bác trong vườn thú cho hổ ăn, hổ ăn từng tảng thịt bò lớn. Hổ nằm dài chân trước đặt trên tảng thịt , dùng răng ngoạm và xé từng miếng thịt lớn rất dễ dàng bằng những chiếc răng nanh nhọn hoắt.

3. Kết bài:

- + Em rất thích ngắm con hổ.
- + Con hổ là biểu tượng của núi rừng thiên nhiên hoang dã, của sức mạnh tự nhiên, đẹp để kiêu hãnh.

C. củng cố, dặn dò:

- GV hệ thống các nội dung cần nhớ trong bài
- Dặn HS xem lại dàn ý, chuẩn bị cho tiết viết giờ học sau

Tiết 3: **Toán*****ÔN: ĐỌC, VIẾT, SO SÁNH SỐ TỰ NHIÊN**

I. Mục tiêu:- Ôn tập, củng cố cho HS về cách đọc, viết, so sánh số tự nhiên ; lập các số tự nhiên từ các chữ số cho trước.

- Rèn kĩ năng đọc , viết, so sánh số tự nhiên.
- Giáo dục HS có ý thức học tốt bộ môn ; phát huy khả năng sáng tạo của hs

II. Đồ dùng dạy học.

- GV: Hệ thống bài tập
- HS: vở buổi chiều.

III. Các hoạt động dạy học:**A. Kiểm tra bài cũ :**

- KT việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới :1. Giới thiệu bài2. Nội dung :**Hoạt động 1 : Ôn kiến thức lí thuyết**

- YC mỗi hs viết ba STN vào bảng con
- Gọi hs đọc các số mình viết? Nêu giá trị mỗi chữ số trong số đó?
- Sắp các số em vừa viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

Chốt: Cách đọc, viết so sánh, sắp thứ tự các STN

- HS làm cá nhân
- 3 -> 5 hs đọc số theo yêu cầu và nêu giá trị mỗi chữ số
- HS nêu thứ tự

Hoạt động 2 : Thực hành

Bài 1: a. Viết số có 7 chữ số mà trong số đó có một chữ số 0.

b. Ghi lại cách đọc số em vừa viết?

Chốt cách tìm, đọc, viết số theo yêu cầu bài ra.

Bài 2: Với 6 chữ số : 7, 0, 3, 8, 2, 9

a) Hãy viết số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau từ 6 chữ số trên.

b) Hãy viết số bé nhất trong các số có 5 chữ số khác nhau được viết từ 6 chữ số trên

Chốt cách viết các STN từ các chữ số đã cho

Bài 3: Cho số 84 573 210

a. Trong số đó, các chữ số nào ở lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị?

b. Số đó thay đổi như thế nào nếu:

- Xóa bỏ chữ số 0?

- Đổi chỗ hai chữ số 0 và 3 cho nhau?

Chốt: Cách xác định các hàng trong một lớp; giá trị của chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong hàng.

Bài 4: Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

a. 42 721 851; 43 096 211; 42 627 915; 39 989 999

b*. 59a1; 951a; 9a51; a951

(với $5 < a < 9$)

Chốt: Cách so sánh, sắp thứ tự các số

Bài 5: Không tính tổng hãy so sánh các tổng sau và điền dấu $<$; $=$; $>$ cho hợp lí

a. $999 + 88 + 7$ $987 + 98 + 9$

b. $654 + 73 + 6$ $673 + 56 + 4$

*c. $6ab + 5a + 6$ $6aa + 5c + b$

*d. $abcd + abc + ab + a$ $aaaa + bbbb + cc + d$

- GV gợi ý cho học sinh làm bài

- Nhận xét chữa bài, chốt đáp án đúng

a. $999 + 88 + 7 = 987 + 98 + 9$ (vì mỗi tổng đều có các chữ số hàng trăm, chục, đơn vị là 9, 8, 7)

b. $654 + 73 + 6 = 673 + 56 + 4$ (vì mỗi tổng đều có chữ số hàng trăm là 6; hàng chục là 5, 7; hàng đơn vị là 6, 4, 3)

c. $6ab + 5a + c = 6aa + 5c + b$ (vì mỗi tổng đều có

- HS làm bài vào vở
- HS chữa bài, nhận xét

- HS làm bài vào vở
- HS khác nhận xét chữa bài

- HS làm bài vào vở
- HS khác nhận xét chữa bài

- HS làm bài vào vở
- HS khác nhận xét chữa bài

- HS làm bài vào vở
- HS khác nhận xét chữa bài

chữ số hàng trăm là 6, hàng chục là a và 5, hàng đơn vị là b, a, c)

d. $abcd + abc + ab + a = aaaa + bbb + cc + d$ (vì chữ số hàng nghìn của mỗi tổng là a, hàng trăm là a và b, hàng chục là a, b, c và hàng đơn vị là a, b, c, d)

Chốt: Cách so sánh các tổng không thực hiện phép tính.

3. Củng cố, dặn dò

- Nêu cách sắp thứ tự các số tự nhiên ?
- GV nhận xét giờ.
- Nhắc hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau : Ôn các phép tính với STN

Thứ 5 ngày 20 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: Toán

ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN (TT)

I. Mục tiêu:

- So sánh được các số có đến sáu chữ số
- Biết sắp xếp bốn số tự nhiên theo thứ tự từ lớn đến bé, từ bé đến lớn.
- GD HS tính tự giác khi làm toán.

II. Đồ dùng dạy học:

- 4 Tờ phiếu kẻ sẵn theo mẫu BT1.
- Bộ đồ dùng dạy học toán 4.

III. Hoạt động trên lớp:

1. Bài cũ :

2. Bài mới

a) Giới thiệu bài:

b) Thực hành:

Bài 1 :

- HS nêu đề bài.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu 1 bài.
- HS tự thực hiện so sánh các cặp số còn lại vào vở.
- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 2 :

- HS nêu đề bài.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu 1 bài.
- HS tự thực hiện so sánh các cặp số còn lại vào vở.
- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 3 :

- 1 HS lên bảng làm, nhận xét bài bạn.

- Lắng nghe giới thiệu bài.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- HS cả lớp làm chung một bài vào vở.
- Đọc kết quả và nêu cách so sánh đối với từng cặp số:
- Nhận xét bài bạn.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- HS cả lớp làm chung một bài vào vở.
- Đọc kết quả và nêu cách so sánh đối với từng cặp số:
- Nhận xét bài bạn.

- HS nêu đề bài.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu 1 bài.
- HS tự thực hiện so sánh các cặp số còn lại vào vở.
- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 4 :

- HS nêu đề bài.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu 1 bài.
- HS tự thực hiện so sánh các cặp số còn lại vào vở.
- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 5 :

- HS nêu đề bài.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu 1 bài.
- HS tự thực hiện so sánh các cặp số còn lại vào vở.
- Nhận xét bài làm học sinh.

3. Củng cố - Dặn dò:

- Nhận xét đánh giá tiết học.
- Dặn về nhà học bài và làm bài.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- HS lắng nghe.
- HS ở lớp làm vào vở và lên bảng làm.
- Nhận xét bài bạn.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- HS lắng nghe.
- HS ở lớp làm vào vở và lên bảng làm.
- Nhận xét bài bạn.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- HS lắng nghe.
- HS ở lớp làm vào vở và lên bảng làm.
- Nhận xét bài bạn.

- Học sinh nhắc lại nội dung bài.
- Về nhà học bài và làm bài tập còn lại

Tiết 2: **Tập làm văn**

LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CON VẬT

I. Mục tiêu:

- Nhận biết được những nét tả bộ phận chính của một con vật trong đoạn văn quan sát các bộ phận của con vật em yêu thích và bước đầu tìm được những từ ngữ miêu tả thích hợp(BT3).
- Yêu quý và có ý thức chăm sóc vật nuôi trong nhà.

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh, ảnh một số con vật nuôi trong nhà: chó, mèo, gà, vịt, chim, trâu, bò, ngựa lợn.....(cỡ nhỏ).

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ

- Gọi 1 hs đọc đoạn văn miêu tả hình dáng con vật.
- 1 hs khác đọc đoạn văn miêu tả hoạt động của con vật.
- Nhận xét

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hướng dẫn làm bài tập

Bài 1, 2:

- Gọi hs đọc nội dung và yêu cầu bài tập
- YC hs dùng bút chì gạch dưới những từ ngữ miêu tả từng bộ phận của con vật.
- GV kẻ bảng yêu cầu hs nêu GV ghi

- Học sinh đọc kỹ bài văn **Con ngựa**
- HS làm việc cá nhân.
- HS trả lời miệng

Các bộ phận	Từ ngữ miêu tả
- Hai tai	To, dựng đứng trên cái đầu rất đẹp
- Hai lỗ mũi	- ươn ướt, động đậy
- Hai hàm răng	- trắng muốt
- Bờm	- được cắt rất phẳng
- Ngực	- nở
- Bốn chân	- khi đứng cứ dậm lộp cộp trên đất
- Cái đuôi	- dài, ve vẩy hết sang phải lại sang trái

- Trong đoạn văn trên em thích câu văn nào? Vì sao?

- Khi miêu tả con vật em cần chú ý điều gì?

KL: Quan sát, miêu tả những đặc điểm nổi bật của con vật.

Bài 3:

- GV treo 1 số ảnh con vật đã chuẩn bị.

- GV nhắc các em:

+ Đọc 2 ví dụ (M) trong SGK để hiểu yêu cầu của bài: cách quan sát rất độc đáo từng bộ phận của con vật; biết tìm những từ ngữ miêu tả chính xác đặc điểm của các bộ phận đó.

+ Viết lại những từ ngữ miêu tả theo 2 cột

- Khuyến khích HS dùng những từ ngữ miêu tả sinh động, các biện pháp so sánh, nhân hoá để làm nổi bật các chi tiết miêu tả.

- Gọi HS trình bày trước lớp. GV nhận xét.

VD: Chị mèo mướp nhà em rất xinh đẹp, chị có cái đầu tròn như trái bóng con, đôi tai bẹt, nhẵn thín luôn dựng đứng. Đôi mắt chị long lanh như thủy tinh. Bộ ria mép dài nhỏ như sợi tóc thỉnh thoảng lại động đậy. Cái mũi nhỏ lúc nào cũng ươn ướt nhưng rất thính. Thân hình chị thon dài. Chị khoác trên mình chiếc áo choàng màu tro mịn màng, óng mượt. Cái đuôi dài, thỉnh thoảng lại ngoe ngoẩy, uốn cong lên.

Chốt : Viết câu văn giàu hình ảnh có cảm xúc làm nổi bật bộ phận của con vật cần tả

- HS nêu và giải thích:

VD: Em thích câu văn miêu tả cái bờm của con ngựa. Vì cái bờm con ngựa rất dày và phẳng giống như được cắt tỉa tỉ mỉ rất đẹp.

- Chỉ chọn tả những bộ phận chính, nét tiêu biểu, độc đáo của con vật, sử dụng các hình ảnh so sánh, nhân hoá để miêu tả.

- Một HS đọc BT3

- Một vài HS nói tên con vật em chọn để quan sát.

- Xác định con vật mà em quan sát

- HS quan sát kĩ bộ phận của con vật

- Tìm từ ngữ miêu tả chính xác bộ phận đó

- HS viết dàn ý miêu tả. 2 HS làm vào bảng phụ rồi dán lên bảng.

KKHS sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá để làm nổi bật các chi tiết miêu tả.

- Vài HS trình bày miệng trước lớp.

- HS bổ sung để HS có dàn ý chi tiết.

- GD: Yêu quý, chăm sóc vật nuôi

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Muốn có một đoạn văn, bài văn hay cần làm gì?
- Nhận xét tiết học. GDHS lòng yêu thích và bảo vệ cốc con vật.
- Nhắc hs tự viết lại đoạn văn cho hay hơn và đọc trước bài sau: *Luyện xây dựng đoạn văn miêu tả con vật.*

Tiết 3: **Địa lí** **BIỂN, ĐẢO VÀ QUẦN ĐẢO**

I. Mục tiêu :

- Nhận biết được vị trí của Biển Đông, một số vịnh, quần đảo, đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ (lược đồ) : vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan, quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đảo Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.
- Biết sơ lược về vùng biển, đảo và quần đảo của nước ta: Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo và quần đảo.
- + Kể tên một số hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển, đảo (khai thác khoáng sản: dầu khí, cát trắng, muối; đánh bắt và nuôi trồng hải sản).
- GDHS lòng yêu quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ môi trường biển nước ta.
- * *Giáo dục QP : Khẳng định chủ quyền của VN đối với biển Đông và hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa*

II. Chuẩn bị :

- Tranh, ảnh về biển , đảo VN.

III. Hoạt động trên lớp :

A. Bài cũ

- Em hãy nêu tên một số ngành sản xuất của ĐN.
 - Vì sao ĐN lại thu hút nhiều khách du lịch?
- GV nhận xét, tuyên dương HS.

B. Bài mới :

1. *Giới thiệu bài:*

2. *Nội dung .*

HD 1: Vùng biển Việt Nam

Hoạt động theo cặp:

- GV cho HS quan sát bản đồ tự nhiên VN, trả lời câu hỏi trong mục 1, SGK:
- + Cho biết Biển Đông bao bọc các phía nào của phần đất liền nước ta ?
- + Chỉ vịnh Bắc Bộ , vịnh Thái Lan trên lược đồ.

GV cho HS quan sát lược đồ SGK, trả lời câu hỏi trong mục 1, SGK:

- + Tìm trên lược đồ nơi có các mỏ dầu của nước ta .
- Cho HS dựa vào kênh chữ trong SGK, bản đồ trả lời các câu hỏi sau:
- + Vùng biển nước ta có đặc điểm gì?

- HS trả lời.
- HS nhận xét, bổ sung.

- HS quan sát và trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung .

- HS chỉ trên bản đồ vị trí biển Đông, các vịnh Bắc Bộ, Thái Lan

- HS lên bảng chỉ

- + Vùng biển nước ta có diện tích rộng và là một bộ phận của biển Đông.

+Biển có vai trò như thế nào đối với nước ta?

-GV cho HS trình bày kết quả.

-GV cho HS xem tranh về biển của nước ta, phân tích thêm về vai trò của Biển Đông đối với nước ta.

GV chốt: Biển có vai trò điều hòa khí hậu, đem lại nhiều giá trị kinh tế cho nước ta như muối, khoáng sản,...

HD 2: Đảo và quần đảo

-GV chỉ các đảo, quần đảo trên Biển Đông và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

+Em hiểu thế nào là đảo, quần đảo?

+Biển của nước ta có nhiều đảo, quần đảo không?

+Nơi nào trên nước ta có nhiều đảo nhất?

-GV nhận xét phần trả lời của HS.

-Cho HS dựa vào tranh, ảnh, SGK, thảo luận các câu hỏi sau:

-Nêu đặc điểm của các đảo ở Vịnh Bắc Bộ.

-Các đảo, quần đảo ở miền Trung và biển phía nam nước ta có những đảo lớn nào?

-Các đảo, quần đảo của nước ta có giá trị gì?

-GV cho HS thảo luận và trình bày kết quả.

- GDQP: GV cho hs xem tranh các đảo và quần đảo, mô tả thêm về cảnh đẹp, giá trị kinh tế, an ninh quốc phòng và hoạt động của người dân trên các đảo, quần đảo của nước ta. ⇒GD về chủ quyền biển đảo của nước ta.

KL: Nước ta có vùng biển rộng với nhiều đảo và quần đảo. Biển, đảo và quần đảo của nước ta có nhiều tài nguyên quý cần được bảo vệ và khai thác hợp lý.

3.Củng cố, dặn dò :

-Nêu vai trò của biển, đảo và quần đảo đối với nước ta.

-Chỉ bản đồ và mô tả về vùng biển của nước ta.

-Nhận xét tiết học.

+Cung cấp muối, khoáng sản, hải sản, bói biển,...

- HS trình bày kết quả trước lớp

Hoạt động cả lớp

+ Đảo là bộ phận đất nổi, nhỏ hơn lục địa xung quanh, có nước biển và đại dương bao bọc. Quần đảo là nơi tập trung nhiều đảo.

+Vịnh Bắc Bộ và biển miền Trung, biển phía Nam và Tây Nam.

- HS hoạt động theo nhóm 4 và cử đại diện trả lời

- HS chỉ các đảo, quần đảo của từng miền (Bắc, Trung, Nam) trên bản đồ Việt Nam và nêu đặc điểm, ý nghĩa và quốc phòng của các đảo, quần đảo.

-HS trình bày.

-HS quan sát

-Cho HS đọc bài học trong SGK.

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tin học**

Tiết 2: **Tiếng Anh**

Tiết 3: **Hoạt động ngoài giờ lên lớp**

TRÒ CHƠI DU LỊCH VÒNG QUANH THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU

- Thông qua trò chơi, HS có thêm hiểu biết về đất nước, con người và văn hóa của một số quốc gia trên thế giới.
- Phát triển ở HS kỹ năng giao tiếp, khả năng ứng phó nhanh nhạy, chính xác.

II. QUI MÔ HOẠT ĐỘNG

Có thể thực hiện theo qui mô lớp hoặc khối lớp.

III. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Một bản đồ thế giới khổ lớn, trên đó tên các quốc gia và thủ đô của các quốc gia đó bị che khuất.
- Các phiếu giấy nhỏ trên mỗi phiếu có đề tên một quốc gia.
- Phần thưởng dành cho người chơi có số điểm cao nhất.

IV. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Bước 1: Chuẩn bị

- Trước khoảng 1 tuần, GV phổ biến kế hoạch hoạt động và thể lệ cuộc chơi tới HS.
- Mỗi tổ/ lớp cử ra một đội chơi gồm 3 HS. Mỗi lượt chơi chỉ nên gồm 3 – 4 đội chơi.
- Những HS tham gia trò chơi chuẩn bị nghiên cứu trước các tài liệu tham khảo về đất nước, con người và văn hóa của một số quốc gia trên thế giới.

Bước 2: Tiến hành chơi

- MC mời đại diện các đội chơi lên rút thăm. Trên mỗi chiếc thăm đã có ghi tên một quốc gia nào đó. Nhiệm vụ của mỗi đội chơi là sau 5 phút chuẩn bị phải:
 - + Xác định được vị trí của quốc gia đó trên bản đồ thế giới (gắn tên quốc gia trên bản đồ) – 10 điểm.
 - + Nêu được tên thủ đô của quốc gia đó – 10 điểm.
 - + Nêu được tên một di sản thế giới hoặc một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, văn hóa của quốc gia đó – 10 điểm.
 - + Kể được một nét văn hóa đặc trưng của dân tộc đó – 10 điểm.
- Các đội chơi thảo luận chuẩn bị.

- Lần lượt từng đội chơi trình bày, Ban giám khảo cho điểm từng đội chơi.

Bước 3: Tổng kết và trao giải thưởng

- Công bố kết quả cuộc chơi.
- Tặng phần thưởng cho đội chơi có tổng số điểm cao nhất.

Thứ 6 ngày 21 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: Toán

ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và thực hiện cộng, trừ các số tự nhiên. Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính thuận tiện. Giải được bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ.
- Rèn kĩ năng làm tính và giải toán.
- GD hs có ý thức học bộ môn; phát huy tính chủ động tích cực khi làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bộ đồ dùng dạy học toán 4.
- Bảng phụ ghi nội dung bài tập 3

III. Hoạt động trên lớp:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi 1 hs lên bảng làm bài 4 tiết 154
- Nhận xét

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung

HD 1: Ôn kiến thức lí thuyết

- GV yêu cầu hs trao đổi theo nhóm 2 cách thực hiện cộng, trừ các STN.
- Gọi hs nói trước lớp
- GV treo bảng phụ ghi nội dung BT3, YC dựa vào công thức tổng quát nêu các tính chất của phép cộng phép trừ STN.

Chốt: Cách thực hiện cộng, trừ STN, vận dụng các tính chất để tính thuận tiện

- 1HS lên bảng làm bài 4 tiết 154.
- Lớp làm vở nháp

- HS trao đổi theo nhóm 2

- Lần lượt từng hs nói trước lớp
- HS nêu các tính chất: tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

HD 2. Luyện tập

Bài 1. Tính:

- Gọi hs nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu hs tự đặt tính và tính.
- Gọi hs lên bảng, lớp làm vào vở dòng 1, 2
- Gọi hs nhận xét bài bạn làm.

Chốt: Cách đặt tính, cách cộng, trừ các số tự nhiên

Bài 2. Tìm x:

- Yêu cầu hs tự làm bài.

- 1 HS nêu yêu cầu.
- 2 HS lên bảng đặt tính và tính.
- HS tự làm bài sau đó có thể đổi vở cho nhau để kiểm tra chéo.
- HS làm nháp

- HS tự làm bài vào vở rồi chữa bài.

- Gọi 2 hs lên bảng làm.
 - Gọi HS nhận xét bài bạn làm trên bảng.
 GV nhận xét chốt lời giải đúng.
Chốt: Cùng cố cách tìm thành phần chưa biết.

Bài 4.

- Gọi hs nêu yêu cầu
 - KKHS nêu cách tính thuận tiện nhất.
 - YC hs làm bài vào vở dòng 1
 - GV nhận xét chốt lời giải đúng.
Chốt: Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhanh.

Bài 5. HS tự đọc đề bài

- Tổ chức hs thi giải toán nhanh
 - Tự làm bài vào vở, GV giúp đỡ.
 - Tuyên dương bạn làm nhanh, chính xác.
Chốt: Giải bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ

3. Cùng cố, dặn dò :

- Nêu cách thực hiện cộng, trừ số tự nhiên .
- Nhận xét tiết học
- Nhắc hs ôn lại bài và ôn lại phép nhân, chia số tự nhiên.

- Khi chữa bài, HS nêu lại cách tìm “ một số hạng số chưa biết”, “số bị trừ chưa biết”.

-1HS đọc yêu cầu
 - HS nêu: Vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp vào tính thuận tiện.

- HS làm bài vào vở

-HS đọc bài
 - 3 HS 3 tổ thi giải toán nhanh
 - HS ở lớp tự làm bài vào vở
 - 1 HS lên bảng làm

Tiết 2: Luyện từ và câu**THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ NƠI CHỖN CHO CÂU****I. Mục tiêu:**

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (trả lời CH Ở đâu ?)
- Nhận biết được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu chưa có trạng ngữ (BT2); biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ cho trước (BT3).
- Giáo dục HS nói và viết câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn.

II. Đồ dùng dạy-học: Bảng lớp viết:

- Hai câu văn ở BT1 (phần nhận xét), 3 câu ở BT1 (phần luyện tập)
- Bảng nhóm – mỗi bảng viết 1 câu chưa hoàn chỉnh ở BT2
- Bảng nhóm – mỗi bảng viết 1 câu chỉ có trạng ngữ chỉ nơi chốn ở BT3 (phần luyện tập)

III. Các hoạt động dạy-học:**A. Bài cũ:**

- Gọi 2 hs đọc đoạn văn ngắn kể về một lần em đi chơi xa, trong đó có ít nhất 1 câu dùng trạng ngữ. (BT2)
- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Dạy-học bài mới:

2 hs thực hiện

HD1: Giới thiệu bài.**HD 2: Tìm hiểu ví dụ.****Bài 1:** Gọi hs đọc yc và nội dung BT

- Các em dùng bút chì gạch chân dưới bộ phận trạng ngữ trong SGK, muốn tìm đúng trạng ngữ, các em phải tìm thành phần CN, VN của câu

- Gọi hs phát biểu

Bài 2: Các em hãy đặt câu hỏi cho các bộ phận trạng ngữ tìm được trong các câu trên.

+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn có nghĩa gì?

+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi nào?

- Gọi hs đọc ghi nhớ : Để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu, ta thêm TN chỉ nơi chốn vào câu. Trạng ngữ chỉ nơi chốn TLCH Ở đâu?

HD3: Luyện tập**Bài 1:**

- GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập
- GV nhắc HS: trước hết, cần tìm thành phần CN, VN của câu. Sau đó tìm thành phần TN.
- GV mời 1 HS lên bảng, gạch dưới bộ phận TN trong câu, chốt lại lời giải đúng.

- Yêu cầu hs thảo luận theo nhóm 2 làm bài

- Nhận xét chữa bài

Chốt: Cách tìm trạng ngữ trong câu

Bài 2: Thêm trạng ngữ cho các câu sau:

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập
- GV nhắc HS: phải thêm đúng là TrN chỉ nơi chốn cho câu.

- 1 hs đọc yc và nội dung

- Tự xác định

- Phát biểu

a) Trước nhà, mấy cây hoa giấy // nở tung bừng.

b) Trên các hè phố, trước công cơ quan, trên mặt đường nhựa, từ khắp năm cửa ô trở về, hoa sáu // vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô.

a) Mấy cây hoa giấy nở tung bừng ở đâu?

b) Hoa sáu vẫn nở, vẫn vương vãi ở đâu?

+ Cho ta biết rõ nơi chốn diễn ra sự việc trong câu

+ Trả lời cho câu hỏi ở đâu?

- Vài hs đọc to trước lớp

- HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu bài.

- HS đọc lại các câu văn ở BT1, suy nghĩ, là bài vào vở nháp.

- HS phát biểu ý kiến.

- 1 HS lên bảng gạch dưới bộ phận TN trong câu.

- *Trước rạp*, người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp 1 hàng ghế dài.

- *Trên bờ*, tiếng trống càng thúc dữ dội.

- *Dưới những mái nhà ẩm ướt*, mọi người vẫn thu mình trong giấc ngủ mệt mỏi, sau một ngày lao động cật lực.

- 2HS đọc yêu cầu của bài tập.

- HS làm bài vào vở.

- GV dán 3 băng giấy lên bảng, mời 3 HS lên bảng làm bài, chốt lại lời giải đúng.

a) , em giúp bố mẹ làm những công việc gia đình.

b) , em rất chăm chú nghe giảng và hăng hái phát biểu.

c) , hoa đã nở.

- Nhận xét, chữa bài

Chốt: thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu chưa có trạng ngữ

Bài 3: Trong những câu dưới đây mới có trạng ngữ. Hãy thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh những câu ấy.

a) Ngoài đường,.....

b) Trong nhà,

c) Trên đường đến trường,

d) Ở bên kia sườn núi,

- GV nêu câu hỏi: *Bộ phận cần điền để hoàn chỉnh các câu văn là bộ phận nào? bộ phận nào đó có sẵn?*

- GV dán 4 băng giấy lên bảng, mời 4 HS lên bảng làm bài, chốt lại lời giải đúng.

Chốt: biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn cho trước .

3. Củng cố, dặn dò:

- Về nhà học thuộc ghi nhớ, đặt thêm 2 câu có TN chỉ nơi chốn.

- Bài sau: Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.

- Nhận xét tiết học .

- HS phát biểu ý kiến.

- 3 HS lên bảng làm bài, chốt lại lời giải đúng.

a. Ở nhà,....

b. Ở lớp, ...

c. Ngoài vườn,

- HS làm bài cá nhân vào vở

- Đọc câu văn của mình, hs khác nhận xét

a. Ngoài đường, *mọi người đi lại tấp nập.*

b. Trong nhà, *em bé đang ngủ say.*

c. Trên đường đến trường, *em gặp rất nhiều người.*

d. Ở bên kia sườn núi, *hoa nở trắng cả một vùng.*

Tiết 3: Tập làm văn

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. Mục tiêu:

- Ôn lại kiến thức về đoạn văn ; nhận biết được đoạn văn và ý chính của từng đoạn trong bài văn tả con chuồn chuồn nước (BT1); biết sắp xếp các câu cho trước thành 1 đoạn văn ; bước đầu viết được một đoạn văn có câu mở đầu cho sẵn (BT3).

- HS viết đoạn văn tả con gà trống với câu mở đoạn cho sẵn trong đó sử dụng một số hình ảnh so sánh để làm nổi bật vẻ đẹp của các chi tiết miêu tả.

- Giáo dục HS biết yêu quý và chăm sóc loài vật.

II. Đồ dùng dạy- học:

- Bảng phụ viết các câu văn của bài tập 2.

III. Các hoạt động dạy - học :

A. Kiểm tra bài cũ:

Gọi hs đọc lại những ghi chép sau khi quan sát các bộ phận của con vật mà mình yêu thích ở BT3

- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Dạy bài mới.

HD1. Giới thiệu bài: Gv nêu mục đích, yêu cầu tiết học.

HD2: HD luyện tập

Bài 1:

Bài Con chuồn chuồn nước có mấy đoạn? Tìm nội dung chính của mỗi đoạn.

+ Bài có hai đoạn:

- GV ghi các ý đó lên trên bảng.

Chốt: Một bài văn có thể trình bày thành từng đoạn văn, mỗi đoạn văn có một nội dung nhất định.

Bài 2: Sắp xếp các câu thành một đoạn văn (GV treo bảng phụ).

- Các em xác định thứ tự đúng của các câu văn để tạo thành đoạn văn hợp lí

- Gọi hs phát biểu, mở bảng phụ đã viết 3 câu văn; mời 1 hs lên bảng đánh số thứ tự để sắp xếp các câu văn theo trình tự đúng. Sau đó đọc lại đoạn văn.

Chốt: Khi viết một đoạn văn tả con vật cần viết câu mở đoạn trước sau đó viết tiếp các câu miêu tả đặc điểm, hình dáng, hoạt động sau.

Bài 3: Hãy viết một đoạn văn có chứa câu mở đoạn như sau:

-Nhắc nhở: Mỗi em viết 1 đoạn văn có câu mở đoạn cho sẵn chú gà nhà em đã ra dáng một chú gà trống đẹp. Sau đó viết tiếp câu mở đoạn bằng cách miêu tả các bộ phận của gà trống, làm rõ con gà trống đã ra dáng một chú gà trống đẹp như thế nào?

- Dán lên bảng tranh, ảnh gà trống

- GV yêu cầu HS quan sát và chọn những chi

- HD cả lớp. HS đọc bài Con chuồn chuồn nước, trả lời câu hỏi:

- ...2 đoạn

Đoạn 1 : Tả ngoại hình của chú chuồn chuồn nước lúc đậu một chỗ.

Đoạn 2: Tả chú chuồn chuồn nước lúc tung cánh bay, kết hợp tả cảnh đẹp của làng quê.

- 1 học sinh đọc yêu cầu của bài tập 2.

Lớp đọc thầm lại.

- Học sinh làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp để thực hiện yêu cầu của bài tập đánh dấu số thứ tự để sắp xếp.

- Cả lớp và giáo viên nhận xét

- 2 HS đọc lại bài văn được sắp xếp đúng.

Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mìn mọt, cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng càng trong, càng dài thì quanh cổ càng được đeo nhiều vòng cườm đẹp.

-1 học sinh đọc yêu cầu của bài tập 3 (cả phần gợi ý).

Lớp đọc thầm lại.

- Học sinh làm việc cá nhân làm bài vào nháp hoặc vở.

- 3 Học sinh đọc bài làm của mình..

- Cả lớp và giáo viên nhận xét, khen bài tốt.

- HS cả lớp tự sửa bài viết. GV

tiết cần phải tả của con gà trống, phù hợp với câu mở đoạn đã cho.

Gợi ý:

Viết tiếp các câu tả các bộ phận của gà trống để làm rõ vẻ đẹp của gà trống:

- Thân hình:
- Bộ lông:
- Cái đầu: mào, mắt,..
- Cánh, đôi chân, đuôi,...
- YC hs tự làm bài, sau đó đọc đoạn viết.

Chốt: Sau câu mở đoạn cần phải tả được các đặc điểm của chú gà trống để làm nổi bật cái đặc điểm đẹp của chú gà trống đó.

3. **Củng cố- Dặn dò:**

- Về nhà sửa lại đoạn văn ở BT3, viết vào vở
- Quan sát ngoại hình và hoạt động của con vật mà mình thích để chuẩn bị cho tiết TLV tuần sau.
- Giáo viên nhận xét tiết học.

nhận xét thêm một số bài.

....Chú có thân hình chắc nịch.
Bộ lông màu nâu đỏ óng ánh.
Nổi bật nhất là cái đầu có chiếc mào đỏ rực. Đôi mắt sáng. Đuôi của chú là một túm lông gồm màu đen và xanh pha trộn, cao vồng lên rồi uốn cong xuống nom vừa mẽ miều vừa kiêu hãnh. Đôi chân chú cao, to, nom thật khỏe với cựa và những móng nhọn là vũ khí tự vệ thật lợi hại.

Tiết 4: **Khoa học**

ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?

I.Mục tiêu:

- Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của động vật như: nước, thức ăn, không khí, ánh sáng, ...Biết được sự cần thiết về thức ăn đối với động vật.
- Rèn kĩ năng làm việc theo nhóm; kĩ năng quan sát và phán đoán các khả năng xảy ra với các động vật khi được nuôi trong những điều kiện khác nhau.
- Giáo dục HS có ý thức bảo vệ động vật.

II.Đồ dùng:- Tranh SGK.

-Phiếu học tập (HĐ 1)

III.Các hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ:

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những điều kiện cần để thực vật sống và phát triển bình thường. - HS lên bảng vẽ và trình bày sơ đồ sự trao đổi khí và sự trao đổi thức ăn ở thực vật. -Nhận xét sơ đồ, cách trình bày . - Nhận xét. | <ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời -HS lên bảng vẽ sơ đồ đơn giản và trình bày trên sơ đồ. |
|---|--|

Hoạt động 1: Trình bày cách tiến hành thí nghiệm động vật cần gì để sống

Mục tiêu: HS nắm được phương pháp làm thí nghiệm chứng minh vai trò của nước, thức ăn, không khí, ánh sáng đối với đời sống động vật.

Cách tiến hành:

Bước 1: Tổ chức và hướng dẫn

- GV chia nhóm, phát PHT
- GV yêu cầu hs thực hiện theo thứ tự sau:

+ Quan sát trang 124 SGK xác định điều kiện sống của 5 con

- HS làm việc theo nhóm 6, hoàn thành PHT

chuột trong thí nghiệm.

+ Nêu ra những yếu tố đó có hoặc còn thiếu cần cho sự sống của chuột trong mỗi hình.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

- YC nhóm trưởng điều khiển

- GV theo dõi, giúp đỡ

Bước 3: Làm việc cả lớp

-Gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc

-Chữa bài trên phiếu học tập

Chuột sống ở hộp	Điều kiện được cung cấp	Điều kiện thiếu
1	ánh sáng, nước, không khí	thức ăn
2	ánh sáng, không khí, thức ăn	nước
3	ánh sáng, nước, không khí, thức ăn	
4	ánh sáng, nước, thức ăn	không khí
5	nước, không khí, thức ăn	ánh sáng

Chốt: Điều kiện được cung cấp đầy đủ cho động vật

Hoạt động 2: Dự đoán kết quả thí nghiệm

Mục tiêu: Nêu những điều kiện cần để động vật sống và phát triển bình thường

Cách tiến hành:

Bước 1: Thảo luận nhóm.

-YC thảo luận dựa vào câu hỏi trang 125 SGK :

+Dự đoán xem con chuột trong hộp nào sẽ chết trước? Tại sao? Những con chuột còn lại sẽ như thế nào?

+Kẻ ra những yếu tố cần để một con vật sống và phát triển bình thường.

Bước 2: Thảo luận cả lớp

- YC đại diện trình bày dự đoán kết quả

- GV nhận xét kết luận (như mục bạn cần biết trang 125 SGK)

Động vật cần đủ không khí, thức ăn, nước uống, ánh sáng mới tồn tại và phát triển bình thường.

3. củng cố, dặn dò:

- Động vật cần gì để sống?

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs ôn lại bài và đọc trước bài: Động vật ăn gì để sống?

- Đại diện báo cáo

Buổi chiều:**Tiết 1: Tiếng Việt*****LUYỆN TẬP: TRẠNG NGỮ**

I. Mục tiêu: - Củng cố cho học sinh nhận diện đ- ọc trạng ngữ trong câu b- ọc đầu viết đ- ọc đoạn văn ngắn trong đó có ít nhất 1 câu có sử dụng trạng ngữ.

- Rèn kĩ năng nhận biết, xác định trạng ngữ trong câu, trong đoạn văn
- Có ý thức sử dụng câu đúng ngữ pháp; viết câu văn có hình ảnh, rõ nghĩa.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ (Bài 1, 2)

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ: - KT việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Ôn kiến thức lí thuyết

- Thế nào là trạng ngữ? Cho ví dụ?
- Trạng ngữ th- ờng đứng ở vị trí nào của câu?

Chốt: Bộ phận trạng ngữ trong câu th- ờng trả lời cho các câu hỏi: Khi nào? ở đâu? Vì sao? Để làm gì? ...Trạng ngữ có thể đứng tr- ớc C-V của câu (chủ yếu), ngoài ra đứng giữa CN và VN hoặc đứng sau nòng cốt câu. Trong tr- ờng hợp trạng ngữ đứng sau, nó th- ờng đ- ọc phân cách với nòng cốt câu bằng một quãng ngắt hơi(thể hiện bằng dấu phẩy khi viết) hoặc bằng một quan hệ từ chỉ nguyên nhân, mục đích, ph- ơng tiện.

- HS nêu và cho ví dụ
- HS trả lời
- HS nhắc lại kết luận

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1(BP) Gạch d- ới bộ phận trạng ngữ của các câu sau:

- Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, cả nhà ngồi trông nồi bánh, chuyện trò vui vẻ.
- Suốt từ sáng đến tối, tôi và bà tôi đứng trên boong tàu, d- ới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Von-ga.
- Nhìn từ xa, giữa cảnh mây n- ớc long lanh, mấy chiếc thuyền l- ới làm ăn nhiều khi vất vả nh- ng trông cứ nh- những con thuyền du ngoạn.

Chốt: Cách xác định trạng ngữ trong câu.

Bài 2 (BP): Nối trạng ngữ ở cột trái với vế câu thích hợp ở cột phải

- | | |
|-----------------------------|---|
| a1. Vì độc lập của Tổ quốc, | b1. những cánh điều đang chao l- ợn. |
| a2. Trên vòm trời cao xanh, | b2. đàn b- ớm tung tăng khắp v- ườn nh- những chiếc nơ bay. |
| a3. Trong v- ườn hoa, | |

- HS ghi câu văn vào vở và gạch d- ới
- a. Đêm ấy, bên bếp lửa hồng,
- b. Suốt từ sáng đến tối,
- c. Nhìn từ xa, giữa cảnh mây n- ớc long lanh,
- HS làm bảng lớp, lớp ghi đáp án vào nháp
- a1 - b3
- a2 - b1
- a3 - b2
- a4 - b4

b3. chúng ta quyết chiến đấu
đến giọt máu cuối cùng.

a4. Mỗi lần dạo chơi
trong Thảo Cầm Viên,

b4. lòng em lâng lâng niềm vui
nh- lạc vào xứ sở cổ tích thần
tiên,

Chốt: Cách xác định trạng ngữ cho phù hợp với nòng cốt của câu

Bài 3: Điền trạng ngữ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

a), lũy tre toả bóng che nắng cho trâu nằm, ru cho trâu ngủ.

b), trên thảm cỏ xanh rờn, Tháp Rùa hiện lên lung linh.

c), cây ph- ơng nh- một ng- ời khổng lồ có mái tóc màu xanh.

d), những lớp lá khô cong nh- những cái bánh tráng phủ đầy mặt đất.

Chốt: thêm bộ phận trạng ngữ cho hoàn chỉnh câu văn tạo cho câu văn rõ nghĩa hơn, hay hơn.

Bài 4: Viết đoạn văn 4-5 câu tả một cây hoa trong đó có câu chứa trạng ngữ. Gạch d- ới trạng ngữ đó.

Viết đ- ọc đoạn văn nhiều hơn 5 câu có ít nhất 3 câu dùng trạng ngữ

- Gọi hs đọc đoạn văn của mình

- Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, viết câu cho hs

- Tuyên d- ơng những hs có bài viết tốt

Chốt: Sử dụng trạng ngữ trong viết văn miêu tả

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu tác dụng của trạng ngữ trong câu?

- Nhận xét tiết học

- Nhắc học sinh ôn lại bài, viết lại đoạn văn cho hay hơn.

- HS tự làm bài vào vở, 1 hs làm bảng lớp.

- HS viết đoạn văn

- 3 ->5 hs đọc bài của mình

Tiết 2: Tiếng Anh(GVC)

Tiết 1: Hoạt động tập thể SINH HOẠT LỚP

I. Yêu cầu cần đạt

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.

- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.

- Đề ra phương hướng hoạt động tuần tới

II. Nội dung :

1. Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.

2. GV nhận xét.

a. Ưu điểm

- Hưởng ứng tốt ngày đọc sách. Nhiều bạn có tinh thần tham gia đọc truyện cho các em HS khối 1 nghe.
- Tích cực ôn luyện cuối năm.
- Nhiều em tham gia thi vẽ tranh hiệu quả.

b. Tồn tại :

- Có hiện tượng lấy đồ của nhau.
- Lớp học chưa thật có nề nếp.

3. Phương hướng hoạt động tuần tới

- Tích cực ôn tập, tiếp tục hưởng ứng ngày đọc sách và đọc sách suốt đời.
- Động viên cha mẹ Hs cài đặt VssID cho Hs.
- Bồi dưỡng HS yếu.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đủ, đúng kế hoạch.


Võ Hùng Thanh